

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DS – ST
Ngày: 25 – 8 – 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương
2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội*” thụ lý số 144/2022/TLST – DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2022/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văng Thị N1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số E, tổ F, ấp G, thị trấn H, huyện D, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền được chứng thực tại Văn phòng Công chứng H, số công chứng 597 quyền số 01/2022/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 22/03/2022) – Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1979

Ông Phạm Văn Phước N2, sinh năm 1975

Cùng cư trú: Số I/K, khóm L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 của bà Văng Thị N1, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:**

Bà N1 làm chủ nhiều dây hụi trong nhiều năm qua ở địa phương. Bà L, ông N2 trước đây sinh sống tại xã C, huyện D, có nhà ngang với nhà bà N1 hiện nay đang ở. Họ kinh doanh phụ tùng xe gắn máy với tên bảng hiệu là P. Tháng 3 năm 2017 âm lịch, bà L, ông N2 không còn ở tại căn nhà này, khi bà N1 tới hỏi mới biết họ đã bán nhà trước đó. Bà L, ông N2 về X và cất nhà ở kế nhà mẹ ruột của bà L. Quá trình ở D, bà L tham gia nhiều dây hụi do bà N1 làm chủ. Các dây hụi trước thì thực nghĩa vụ đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi dây 5.000.000 đồng/tháng vào tháng 8/2016 âm lịch thì bà L bắt đầu không nộp hụi chết. Ngoài ra, bà L còn thiếu dây hụi 5.000.000 đ/tháng ngày 30/6/2016 âm lịch. 02 dây hụi này cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/4/2016 âm lịch, kết thúc ngày 15/8/2019 âm lịch, gồm 30 phần, hoa hồng 2.500.000 đồng. Bà L tham gia 01 phần. Bà L hốt vào lần thứ 4, được 119.520.000 đồng, trừ hoa hồng còn lại là 117.020.000 đồng. Khi nhận tiền hụi, bà L có ghi biên nhận hụi. Sau khi hốt được hụi, bà L nộp được 07 lần hụi chết, còn nợ lại 19 lần hụi chết với tổng số tiền là 95.000.000 đồng;

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/6/2016 âm lịch, kết thúc ngày 30/10/2019 âm lịch, gồm 30 phần, bà L tham gia 02 phần. Bà L hốt vào lần thứ 5. Do bà L có nhu cầu hốt luôn phần còn lại nên bà N1 đồng ý bỏ tiền ra để bà L hốt 02 phần hụi cùng thời điểm là lần thứ 5 với số tiền tổng cộng là 243.500.000 đồng sau khi trừ 5.000.000 đồng. Bà L không ghi biên nhận nhận tiền hụi. Sau khi nhận đủ tiền hụi thì bà L nộp được 04 lần hụi chết. Như vậy còn nợ lại 21 lần chết với tổng số tiền là 210.000.000 đồng;

Ngoài ra, khoảng 03/2017 thì bà L có hỏi mượn bà N1 đỡ 150.000.000 đồng. Vì tình nghĩa hàng xóm nên bà N1 đồng ý đưa bà L nhận đủ 150.000.000 đồng, bà L không ghi biên nhận, hứa hẹn sẽ trả trong vài ngày và 02 ngày sau có, bà L có trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà L nhận từ bà N1 vừa tiền hụi và tiền mượn là bà L ông N2 phải có nghĩa vụ trả tiền hụi là 355.000.000 đồng.

Mặc dù quá trình chơi hụi thì bà L là người trực tiếp tham gia, đóng hụi và nhận tiền hụi nhưng bà L chơi hụi lấy tên bảng hiệu kinh doanh là P và cũng mang số tiền này về để xoay sở trong gia đình, làm vốn kinh doanh nên bà N1 yêu cầu ông Phạm Văn Phước N2 phải có nghĩa vụ liên đới với bà L trả nợ cho bà N1 là 355.000.000 đồng. Bà N1 xác định không yêu cầu tính lãi. Do ngoài giấy hụi ra, bà N1 không có chứng cứ khác nên đề nghị Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà L và ông N2 để họ biết được việc bà N1 khởi kiện mà đến Tòa án thừa nhận. Phía bà N1 không có số điện thoại của bà L và ông N2 nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà N1 chỉ biết bà L, ông N2 đang sinh sống tại đường Q, khóm L, phường M mà thôi.

Đối với yêu cầu trả 210.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/6/2016 âm lịch và yêu cầu trả 50.000.000 đồng, bà N1 xin được rút lại do chưa có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N2, bà L là bị đơn trong vụ án vắng mặt trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút lại yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu bà L, ông N2 liên đới nghĩa vụ trả tiền nợ hui chết của 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/4/2016 âm lịch, kết thúc ngày 15/8/2019 âm lịch là 95.000.000 đồng: Nhận thấy, ngoài lời khai, biên nhận nợ hui mà bà N1 cung cấp ra thì không có tài liệu, chứng cứ khác thể hiện ông N2 có tham gia hoặc biết việc bà L tham gia hui này. Do đó, không có cơ sở để buộc ông N2 liên đới với bà L trả cho bà N1 95.000.000 đồng. Xét chứng cứ là Giấy ghi thể hiện hui 5.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2016, bà Nguyễn Thị Ái L nhận đủ ngày 15/7/2016 (âm lịch). Ngoài ra, phân dưới bà L có ghi biên nhận nhận số tiền hui là 117.020.000 đồng là đủ căn cứ để buộc bà L trả lại cho bà N1 tiền hui còn nợ là 95.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Văng Thị N1 với bà Nguyễn Thị Ái L và ông Phạm Văn Phước N2 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà L và ông N2 có nơi cư trú tại phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Bà Văng Thị N1 là nguyên đơn trong vụ án ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim T. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, được chứng nhận và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh tình trạng cư trú ngày 20/5/2022 đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Ái L và ông Phạm Văn Phước N2 có địa chỉ cư trú hợp pháp là nhà số I/K, khóm L, phường M, thành phố X.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà L, ông N2 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, rút lại yêu cầu đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/6/2016 âm lịch và yêu cầu trả 50.000.000 đồng. Do yêu cầu này là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút.

Về nội dung:

[6] Mặc dù có sinh sống tại địa phương nhưng bà L, ông N2 không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà N1, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa. Như vậy, ông bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết yêu cầu.

[7] Để chứng minh cho phần yêu cầu khởi kiện còn lại của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là:

- Giấy kê ô vuông có nội dung theo trình bày của nguyên đơn là giấy ghi hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2016, có 30 phần, P hót một phần với số tiền là 117.020.000 đ, đã giao cho bà Nguyễn Thị Ái L nhận đủ ngày 15/7/2016 (âm lịch). Ngoài ra, phần dưới bà L có ghi biên nhận nhận số tiền hụi là 117.020.000 đồng.

- Giấy kê ô vuông có nội dung theo trình bày của nguyên đơn là sổ theo dõi hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2016, có 30 phần. Trong đó bà L, ông N2 tham gia 01 phần với tên là P, bà L và ông N2 hót với số tiền là 117.020.000 đồng.

[8] Như vậy, có đủ cơ sở để cho rằng bà Nguyễn Thị Ái L tham gia dây hụi 5.000.000 đồng mỗi tháng, mở hụi ngày 15/4/2016 với tên là P và đã hót hụi vào lần thứ 4 với số tiền là 117.020.000 đồng. Bà L đã hót hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ của hụi viên. Do đó, yêu cầu của bà N1 về việc buộc bà L trả số tiền hụi chết còn nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[9] Xét về yêu cầu ông N2 cùng liên đới nghĩa vụ trả số tiền 95.000.000 đ: Bà N1 thừa nhận, quá trình tham gia hụi bà L là người trực tiếp thực hiện việc đóng hụi, bà L là người trực tiếp nhận tiền hụi đã hót. Xét thấy, tại giấy ghi nhận tiền hụi đã hót không được ông N2 ký tên vào mục người nhận. Phía bà N1 cũng không chứng minh được bà L được sự ủy quyền của ông N2 khi tham gia chơi hụi và bà L nhận tiền hụi về để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình của bà L, ông N2 theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó, không có căn cứ để cho rằng đây là nghĩa vụ chung của bà L, ông N2 nên Hội đồng xét xử quyết định không buộc ông N2 phải liên đới nghĩa vụ với bà L để trả nợ cho bà N1.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N1 phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận và không phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận. Do bà N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 9.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001297 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Bà N1 được nhận lại 8.700.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 244, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút tại phiên tòa, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ái L và ông Phạm Văn Phước N2 trả lại tiền nợ hui là 210.000.000 đ (hai trăm mười triệu đồng) và yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu ông Phạm Văn Phước N2 liên đới nghĩa vụ với bà Nguyễn Thị Ái L trả tiền nợ hui 95.000.000 đ (chín mươi lăm triệu đồng).

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ái L trả lại cho bà Văng Thị N1 số tiền hui còn nợ là 95.000.000 đ (chín mươi lăm triệu đồng).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N1 phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận và không phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận. Do bà N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 9.000.000 đ (chín triệu đồng) theo biên lai thu số 0001297 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Bà N1 được nhận lại 8.700.000 đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự./.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh